

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

Tập 10

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Ngày 14 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hiệp hội giáo dục Phật-đà Hồng Kông

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngài! Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ tám, xem từ câu cuối cùng ở dòng thứ sáu, trang tám.

“*Thế nên, Niệm Tổ cảm ân, mong báo đáp, phát tâm vô thượng, kính cẩn chú giải kinh này, hòng tiếp nối huệ mạng Phật*”, lần trước chúng ta học đến chỗ này. Đoạn đầu là phần trình bày, những câu sau cùng này của ngài là hồi hướng, cảm ân và hồi hướng. Sau khi chúng ta đọc rồi, cũng phải biết cảm ân, biết ân mới sẽ cảm ân, nếu không biết ân đức thì không thể sanh khởi tâm báo ân. Đặc biệt chúng ta sanh vào thời đại này, những khổ nạn mà chúng ta gặp ở thời đại này trong lịch sử rất ít thấy, cũng có thể nói là không những chưa thấy, mà cũng chưa từng nghe nói đến. Nguyên nhân vô cùng phức tạp, như trong kinh Phật nói là “vô lượng nhân duyên”, nhất định không được oán trời trách người, đều là do nghiệp lực của chính mình chiêu cảm. Sống trong hoàn cảnh khổ nạn, chúng ta cũng phải cảm thấy mình may mắn, chúng ta có được thân người, được nghe Phật pháp, có thể nghe được kinh Hoa Nghiêm, Tịnh độ, đây là nhân duyên hiếm có không gì bằng, gặp được rồi, chúng ta đều phải sanh tâm cảm ơn. Tịnh tông chúng ta có thể gặp được bản hội tập này của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, là bản tiêu chuẩn của bộ kinh đệ nhất trong Tịnh tông, về sau còn chín ngàn năm, chúng ta có thể tin rằng trong chín ngàn năm này, rất nhiều người sẽ nương vào bộ kinh này mà được độ. Lại gặp được lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, vâng lãnh lời phó chúc của thầy, chú giải cặn kẽ bản kinh này. Chúng ta biết khi ngài viết chú giải, thứ nhất là tuổi tác đã lớn, thứ hai là thân thể nhiều bệnh, trong tình trạng ấy, ngài không nề vất vả, hoàn thành công tác gian nan to lớn này, khó khăn vô cùng! Tôi không chỉ nghe nói, mà tôi đã đến Bắc Kinh thăm ngài. Nhìn thấy sự việc này, đương nhiên quý vị sẽ cảm động, sẽ cảm nhận được nỗi khổ tâm của ngài, vì sao vậy? Ngài là vì các đồng học trong chín ngàn năm thời mạt pháp sau này, có thể lý giải chính xác bản kinh này. Sau khi hiểu rõ mới có thể sanh khởi lòng tin, có lòng tin thì mới có thể thật sự phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, nương theo lý luận và phương

pháp trong kinh này mà tu học. Ân đức này rất lớn! Thù thắng không gì bằng, công đức viết chú giải không hề kém hơn công đức hội tập của thầy Hạ Liên Cư, công đức như nhau. Do vậy, lần này chúng ta học tập, đặc biệt chọn bộ Đại Kinh Giải, chúng ta biết ân, báo ân. Trước hết, chúng tôi giải thích đơn giản đoạn văn này, “cảm ân, mong báo đáp”, cảm ân như thế nào? Báo ân như thế nào? Đó chính là ngài phát tâm vô thượng, kính cẩn chú giải kinh này, hồng tiếp nối huệ mạng Phật. Ngày nay chúng ta báo ân bằng cách nào? Ngày nay chúng ta cố gắng nương theo kinh này, nương theo chú giải này mà hết lòng học tập, y giáo phụng hành, đây chính là tiếp nối huệ mạng Phật. Chúng ta phải tham cứu thấu triệt đạo lý trong kinh và chú giải, phải vận dụng những đạo lý ấy vào trong cuộc sống hằng ngày, thực hiện trong công việc, thực hiện trong đối nhân, xử thế, tiếp vật, mục tiêu sau cùng là chắc chắn được sanh Tịnh độ, đây gọi là thật sự báo ân, thật sự tiếp nối huệ mạng Phật.

Tiếp theo, ngài cầu gia bị: “*Tha thiết khẩn cầu đạo sư hai cõi*”, nghĩa là thành khẩn cầu mong Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật ở phương này và Bốn sư A-di-đà Phật ở thế giới Cực Lạc, hai vị đạo sư của hai cõi. “*Mười phương Như Lai*”, chúng ta đều xem thấy trong kinh này và trong kinh Di-đà, kinh Di-đà thì chúng ta thấy chư Phật ở sáu phương đều tán thán, còn trong bản kinh này là mười phương chư Phật tán thán. “*Thượng sư bốn tôn*”, đây là thầy. Hoàng lão và Hạ lão đều từng học Thiên tông, cũng từng học Mật tông, Tông môn Giáo hạ, Hiền Mật viên dung, các ngài đều thông đạt, nhưng cuối cùng quy hướng Tịnh độ. Đây đều là biểu pháp, làm ra cho chúng ta xem, bất luận là học giáo hay tham thiền, hay tu mật, đến cuối cùng thì sao? Cuối cùng vẫn phải niệm A-di-đà Phật cầu sanh Tịnh độ, để chúng ta thấy hai vị lão nhân này đã làm như thế nào? Trên thực tế, họ hoàn toàn học theo Bồ-tát Văn-thù và Phổ Hiền trong hội Hoa Nghiêm, hai vị Bồ-tát Văn-thù và Phổ Hiền đến cuối cùng đều phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, thật sự sanh về Tịnh độ. Các ngài làm ra tấm gương này cho chúng ta xem, khiến chúng ta, những người không có căn khí bằng các ngài, các ngài là bậc thượng thượng căn, chúng ta là người trung hạ căn, hạ hạ căn, hãy nên hết lòng hết dạ nhất tâm quy mạng A-di-đà Phật. Suốt đời này theo một phương hướng là Tây Phương, một mục tiêu là thế giới Cực Lạc, thân cận A-di-đà Phật, vậy là đúng rồi, thật sự tiếp nối huệ mạng Phật. Chúng ta làm như vậy cũng sẽ ảnh hưởng một số người, những người ấy sẽ tiếp tục làm theo. Nói “*Kim Cang hộ pháp*”, tức là cầu thần hộ pháp bảo hộ. “*Từ ân che chở, bảo vệ*”, nghĩa là hộ trì. “*Uy đức ngậm gia hộ*”, là âm thầm bảo hộ. “*Mong sao bản chú thích này trên kệ hợp thánh tâm, rộng khơi gợi lòng tin của mọi người. Hễ có ai thấy nghe thì đều cùng*

vào *biển nguyện Nhất thừa của Di-đà*”. Hy vọng bản chú giải này được đức Thích-ca, Di-đà gia trì, được mười phương chư Phật hộ niệm, không chú giải sai, mỗi câu mỗi chữ chú giải đều hợp với ý nghĩa giáo hóa của Như Lai. Quan trọng nhất là người đời sau đối với bản kinh và bản chú giải này sẽ tin sâu không nghi, liền đạt được lợi ích. Ấn tổ nói: “Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”. Hễ có ai thấy nghe, đây là nói người hữu duyên, Phật độ người có duyên, có thể nhìn thấy kinh này, nhìn thấy bản chú giải này thì có thể tham dự pháp hội này. Cùng nhập vào biển nguyện Nhất thừa của Di-đà, niệm Phật đường chính là biển nguyện Nhất thừa của A-di-đà Phật. Nhất thừa là thành Phật, không phải là Bồ-tát, không phải là Nhị thừa hay Tam thừa, Nhị thừa là Đại thừa và Tiểu thừa, Tam thừa là Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Nhất thừa là thành Phật. Pháp môn này thẳng chóng, ổn thỏa, là pháp môn thành Phật trong một đời, cho nên được gọi là biển nguyện Nhất thừa. Hai chữ cuối cùng là cảm ân A-di-đà Phật đã dùng 48 nguyện nhiếp thọ hết thấy chúng sanh trong tận hư không khắp pháp giới. Lời trình bày ở phần đầu của Hoàng lão đến đây là hết.

Tiếp theo là phần giải thích bộ kinh này, đoạn lớn thứ hai là khái yếu. “*Chín môn đầu trong sự phân chia của mười môn, kính cẩn giải thích kinh này y theo tông pháp của Hoa Nghiêm và thể lệ của Di-đà Sơ Sao, tổng cộng chia ra mười đề mục*”. Trước hết, nói rõ cách thức mà bản chú giải này của ngài tuân theo, là dựa theo pháp thức của tông Hoa Nghiêm, tông Hoa Nghiêm dùng “thập môn khai khái” để giới thiệu đại ý của toàn kinh, rồi mới giải thích chi tiết kinh văn. Trong mười môn ở trước, đặc biệt chín môn đầu là để cho người học tập kinh giáo chúng ta, khi vẫn chưa tiếp xúc với kinh văn, trước tiên nắm rõ đại ý của toàn kinh. Ở đây có hai tầng ý nghĩa, tầng ý nghĩa thứ nhất là trước hết để bạn nắm được đại ý của toàn kinh, khơi gợi hứng thú học tập pháp môn này của bạn, đây là điều cần phải có. Những vị lão tham thông thường, tức là những người tu hành lâu năm, rất quen thuộc bộ kinh này, họ đến tham dự pháp hội để làm ảnh hưởng chúng, họ nghe gì? Nghe huyền nghĩa, phần khái yếu này chính là huyền nghĩa. Bởi vì huyền nghĩa chính là sự thể ngộ của bạn đối với toàn kinh, đều được biểu hiện ra ở đây. Cũng chính là nói, từ đoạn này có thể hoàn toàn biết được bạn tu học đến trình độ nào, đến giai đoạn nào. Thứ mà người tu hành lâu năm muốn nghe là chỗ này, người hiện nay chúng ta nói là tâm đắc tu học của bạn, nghe báo cáo tâm đắc của bạn, phần giải thích kinh văn phía sau không cần nghe, họ đều hiểu rõ rồi. Tuy hiểu rất rõ ràng, nhưng đúng là có không ít người vẫn hết sức nghiêm túc, hết sức cung kính nghe từ đầu đến cuối, đó là gì? Làm

ảnh hưởng chúng, nhằm dẫn dắt người sơ học. Người sơ học đối với kinh này chưa có tín tâm, hoài nghi, nghe không vô, thấy những vị tu hành lâu năm đều nghiêm túc nghe như thế, lòng tin của họ được tăng trưởng, các vị ấy làm gương, làm mẫu cho họ. Người thật sự học Phật liền hiểu rõ, bất luận bạn nghe hiểu hay không, nếu bạn vẫn một mực kiên trì nghe tiếp thì bạn mới có thể nhập môn.

Bản chú giải kinh A-di-đà của đại sư Liên Trì có phân lượng rất lớn, bản chú giải ấy của ngài gọi là A-di-đà Kinh Sớ Sao, sớ là giải thích kinh, sao là giải thích lời sớ, tức là chú giải bản chú giải. Sớ là do đại sư Liên Trì viết, mà sao cũng do ngài viết, sau khi viết chú giải, vẫn tự trong đó vẫn còn chỗ rất sâu, sợ người đời sau khó hiểu nên ngài lại chú giải lời sớ này, từ bi đến cực điểm! Đệ tử của ngài là pháp sư Cổ Đức, là truyền nhân của đại sư Liên Trì, sau khi đại sư Liên Trì vãng sanh, pháp sư đã biên tập, chỉnh lý tất cả các trước tác của ngài, rồi đem xuất bản, lưu truyền đến ngày nay. Hiện nay là bản bìa cứng, đại khái là in thành một bộ bốn cuốn như thế này, một bộ bốn cuốn dày như vậy là trước tác của đại sư Liên Trì, chúng ta phải cảm kích pháp sư Cổ Đức. Pháp sư Cổ Đức rất từ bi, sợ sớ sao vẫn còn những chỗ rất sâu, luôn nghĩ cho người đời sau có thể đọc hiểu rất dễ dàng, nên ngài lại viết một bản chú giải cho sớ sao gọi là diễn nghĩa. Vì thế, bạn thấy A-di-đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, thì phần diễn nghĩa là của pháp sư Cổ Đức, sớ sao do đại sư Liên Trì viết, sớ sao do chính ngài viết. Ngài viết sớ sao này, cũng dùng thập môn khai khái của tông Hoa Nghiêm, không dễ dàng! Chúng ta có thể hiểu được nỗi khổ tâm của ngài. Trong thời đại của ngài, có thể nói ở Trung Quốc, Thiên tông được phổ cập toàn quốc, phong khí Thiên tông hưng thịnh, sự hưng thịnh ấy chỉ ở bề ngoài, trên thực tế thì Thiên hưng thịnh nhất trong hai triều đại Đường và Tống, còn các ngài là người đời nhà Minh. Tổ sư đã nhìn ra được, tham Thiên công phu không đặc lực, nếu muốn vượt thoát lục đạo thì không dễ dàng! Tu học Phật pháp, vượt thoát lục đạo được xem là thành tựu nhỏ, bạn chứng được tiểu quả; nếu không thoát khỏi lục đạo luân hồi thì không có thành tựu, chỉ có thể nói là tăng trưởng thiện căn trong a-lại-da, không thể xem là thành tựu. Do vậy, đề xuất pháp môn Tịnh tông, không ai tin tưởng. Hơn nữa, mọi người còn coi thường pháp môn Tịnh độ, luôn cho rằng pháp môn Tịnh độ để dạy cho các bà lão. Hiểu lầm là Thích-ca Mâu-ni Phật vì tiếp dẫn những người không có tri thức này, cho nên khuyên họ niệm Phật, đều là tâm lý và quan niệm sai lầm như vậy. Làm thế nào để đề cao Tịnh độ? Đối với kinh Hoa Nghiêm thì mọi người không ai bàn cãi, người không hiểu Phật pháp khi nghe đến kinh Hoa Nghiêm cũng bội phục năm vóc sát đất. Do vậy, ngài liền dùng thập môn khai khái

của Hoa Nghiêm để giảng kinh Phật Thuyết A-di-đà, đưa kinh A-di-đà lên ngang tầm kinh Hoa Nghiêm, đó là khổ tâm của đại sư Liên Trì. Quý vị không phải là tin tưởng Hoa Nghiêm đó sao? Kinh Di-đà không khác gì kinh Hoa Nghiêm. Trong giáo pháp Đại thừa có câu ngạn ngữ: “Người viên mãn thuyết pháp, không pháp nào không viên mãn”, người viên mãn là gì? Là người đã kiến tánh. Người minh tâm kiến tánh, họ lấy bất kỳ một pháp nào thì cũng đều có thể tương ứng với Hoa Nghiêm. Nhìn từ đây thì đại sư Liên Trì cũng không phải là người tầm thường, người tầm thường không làm được.

Đại sư Ngẫu Ích là đệ tử tư thực của đại sư Liên Trì, có quan hệ giống như mối quan hệ giữa Mạnh tử và Khổng tử. Ngài Ngẫu Ích muốn tìm một vị thầy, nhưng tìm không ra! Thật vậy, bạn đọc trước tác của ngài thì sẽ thấy, thời ấy đối với một số người tu hành trong Phật môn, ngài không hài lòng lắm, nên đã tự lấy biệt hiệu là Bát Bất đạo nhân, không thường qua lại với mọi người, không hợp nhau, bị xem là quái nhân trong Phật môn. Khi ấy, đại sư Liên Trì đã vãng sanh, nhưng trước tác vẫn còn, do vậy ngài làm đệ tử tư thực của tổ Liên Trì, cũng chính là nói ngài tôn đại sư Liên Trì làm thầy. Thầy không còn trên đời, nhưng trước tác của thầy còn đó, bèn dựa theo trước tác của thầy để học tập. Giống như Mạnh tử vào thời xưa, Mạnh tử học Khổng tử, Khổng tử cũng đã khuất, nhưng trước tác của Khổng tử còn đó, [Mạnh tử bèn] đọc sách của Khổng tử, chỗ nào không hiểu liền thỉnh giáo học trò của Khổng tử, ngài đã học thành tựu, học còn giỏi hơn đệ tử của Khổng tử. Do vậy, hễ nói tới nhà Nho, toàn nhắc đến Khổng Mạnh, không nhắc tới ai khác. Điều này cho thấy, tuy ngài không được đích thân Khổng tử truyền dạy, nhưng nương theo sách của Khổng tử để học thì tuyệt không thua kém học trò do đích thân Khổng tử truyền dạy, thành tích hết sức ưu tú, đây là người đầu tiên lập ra thể lệ tư thực của Trung Quốc. Trong Phật môn, đại sư Ngẫu Ích học theo tổ Liên Trì, ngài bội phục đại sư Liên Trì nhất, cũng học theo rất giống, cho nên ngài Liên Trì là tổ sư Tịnh độ tông đời thứ tám, đại sư Ngẫu Ích là tổ sư đời thứ chín, chúng ta đều nên học tập những điều này. Trong thời đại hiện nay, chúng ta không tìm được thiện tri thức chân chánh, hãy tìm cổ nhân! Học kinh A-di-đà có thể tìm đại sư Liên Trì, học kinh Vô Lượng Thọ thì chúng ta có thể tìm lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là Kim Cang thượng sư của Mật tông, nên ở đây ngài có thượng sư bản tôn. Hoàng lão cũng đã vãng sanh, ngài niệm Phật vãng sanh, khi ngài bệnh nặng, đã báo tin cho tôi biết, mỗi ngày ngài niệm 140.000 tiếng Phật hiệu, ngủ rất ít, Phật hiệu không gián đoạn, ngài thật sự đi rồi.

“Mười môn” tức là báo cáo tâm đắc của ngài được chia thành mười đoạn, nói như vậy thì mọi người sẽ dễ hiểu. Tiếp đó ngài nêu ra mười đề mục, mỗi đoạn có một tiêu đề. “Mục thứ nhất là nhân duyên phát khởi giáo pháp”, thứ hai là “thể tánh của kinh này”, thứ ba là “tông chỉ và chỗ quy hướng của kinh”, thứ tư là “phương tiện lực dụng”, thứ năm là “căn tánh được kinh tiếp độ”, thứ sáu là “thuộc loại tạng giáo nào”, thứ bảy là “bộ loại sai biệt”, thứ tám là “dịch, hội, hiệu, thích”, dịch là phiên dịch, hội là hội tập, hiệu này chính là bản của Bàn Tế Thanh, ông làm một bản tiết hiệu, thích là giải thích. Thứ chín là “tổng thích danh đề”, tức là giải thích đề mục của kinh. Đoạn cuối cùng là “chánh thích kinh nghĩa”, bắt đầu giải thích kinh văn; kinh văn có tất cả 48 phẩm.

“Chín môn đầu luận định chung về cương lĩnh, tông chỉ, bộ loại của toàn kinh, điều này cơ bản giống với ngũ trùng huyền nghĩa của tông Thiên Thai”. Tông Thiên Thai lấy kinh Pháp Hoa làm y cứ, Pháp Hoa cũng là kinh điển Nhất thừa, báo cáo tâm đắc của họ được chia thành năm đoạn; còn tông Hoa Nghiêm được chia thành mười đoạn, Hoa Nghiêm dùng “mười” để biểu pháp, mười biểu thị cho viên mãn. Bởi vì mười môn thường phiền phức, nên pháp sư giảng kinh các đời khi báo cáo tâm đắc, quá nửa đều dùng cách thức của tông Thiên Thai, cho đơn giản, rất ít dùng phương pháp của tông Hoa Nghiêm. Cách của Hoa Nghiêm hay, nhưng phải tốn thời gian tương đối dài. Hiện nay, ngũ trùng huyền nghĩa dường như cũng không phổ biến, báo cáo tâm đắc hiện nay phần đầu nói đến nhân duyên giảng kinh là xong rồi, sau khi trình bày xong nhân duyên giảng kinh, đại khái là nói tiếp về đề mục của bộ kinh sẽ được giảng, rồi bắt đầu bước vào kinh văn, ngày càng đơn giản. Nhưng thật sự muốn nghiên cứu thì [phương pháp của tông] Hoa Nghiêm hay. Chúng ta tự mình tu học thì đừng nên dùng phương pháp ngắn gọn ấy, không cần thiết, nhưng nếu đi giảng kinh bên ngoài thì có thể. Đối với người hiện nay, nếu dùng phương pháp [thập môn khai khái] này để giảng, giảng thời gian rất dài mà vẫn chưa nghe đến kinh văn thì họ sẽ không có hứng thú, họ sẽ rút lui, cho nên càng đơn giản càng tốt. Trước đây, chúng tôi học tập kinh giáo ở Đài Trung, thầy đều giảng những điều này cho chúng tôi, nhưng để khế hợp với căn cơ trong xã hội hiện đại, nên cũng không dùng cách này. Chúng tôi không dùng những đề mục này, nhưng nội dung là như nhau, nêu nhân duyên giảng kinh, vì sao muốn chọn giảng bộ kinh này, tiếp đó nói về mục đích giảng kinh này, sau đó đi sâu vào, tiếp theo là giảng tựa đề kinh, rồi đi vào kinh văn. Vì thế, phân huyền nghĩa phía trước giảng một hai tiếng đồng hồ là xong, ngày hôm sau đã có thể xem đến kinh văn, đây là nhằm thích ứng căn cơ của đại chúng

trong xã hội hiện nay, chúng ta không thể không biết điều này. Phương pháp tu học như vậy thì thích hợp với nơi nào? Thích hợp với Phật học viện, ở tự viện, đối với các đồng tu trong chùa, mọi người đều cùng nhau tu hành thì có thể [áp dụng phương pháp này]. Ở các nơi giảng thông thường, khi giảng tại hội trường tạm thời thì không thể dùng phương pháp này, chúng ta không thể không biết điều này.

“Tóm lại, đều đem cương yếu của toàn kinh gộp lại trình bày chung ở phần đầu, nhằm nêu bày rõ ràng, khiến cho người đọc trước hết nhận thức được tổng thể, sau đó nghiên cứu kinh văn, giương giềng lưới lên, các mắt lưới sẽ căng ra, liền dễ dàng lãnh hội”. Chúng ta xem từ chỗ này thì có thể thấy được cách thức giảng kinh dạy học trong từng lâm thời xưa, trong Phật môn gọi là nghi thức, hiện nay gọi là phương thức, ý nghĩa đều như nhau. Trước đây, tự viện am đường đều là trường học, bạn phải biết điều này. Thích-ca Mâu-ni Phật đi tham học năm 19 tuổi, chúng ta nhất định phải biết điều này, trước 19 tuổi thì ngài nhất định đã có nền tảng khá vững vàng nên mới có thể ra ngoài tham học, nếu không có nền tảng thì ngài không thể ra đi. Ở Trung Quốc, chúng ta thấy Khổng tử tự thuật về mình trong Luận Ngữ như sau: “Mười lăm tuổi đã có chí học hành”. Chúng ta tin tưởng Thích-ca Mâu-ni Phật nhất định có chí học hành sớm hơn Khổng tử, ngài đã có nền tảng tương đối thì mới có thể đi tìm thầy, hỏi bạn. Mười chín tuổi đi tham học, các đại đức trong tất cả tôn giáo và học phái của Ấn Độ, ngài đều thân cận, không sót một vị nào. Tham học 12 năm, ngài tròn 30 tuổi, chúng tôi tin rằng trong 12 năm ấy thành tựu của ngài vô cùng ưu tú. Ngài hiếu học, lại thông minh, với tư cách vương tử là một thân phận đặc biệt, ngài đến nơi nào cũng đều được trọng đãi, ai mà không thích một người tài như vậy?

Ở Ấn Độ vào thời xưa, tôn giáo lẫn học thuật đều đề xướng thiên định, tứ thiên bát định mà kinh Phật nói đến không phải do Thích-ca Mâu-ni Phật sáng tạo, mà là cách tu của bà-la-môn ở Ấn Độ xưa. Bà-la-môn giáo chính là đạo Hindu ngày nay, tôi qua lại với họ rất nhiều, các trưởng lão nói cho tôi biết, giáo lý của họ được truyền thừa từ thời xưa đã có lịch sử tối thiểu trên 10.000 năm, chúng ta có thể tin tưởng điều này. Thời đại thượng cổ không có văn tự ghi chép, khi có văn tự rồi nhưng người Ấn Độ không coi trọng lịch sử, không giống như người Trung Quốc, người Trung Quốc hết sức coi trọng lịch sử, ngày tháng năm được ghi chép rõ ràng. Người Ấn Độ không làm chuyện này, họ coi trọng khai ngộ, không đặt nặng lịch sử, cho nên chúng ta có thể tin lời họ. Văn hóa truyền thống của Trung Quốc tuyệt đối không phải chỉ là 5.000 năm, vì văn tự Trung Quốc được phát minh mới 4.500 năm, văn tự được

phát minh vào thời Hoàng Đế. Trước khi văn tự được phát minh thì có truyền thuyết. Trước thời Hoàng Đế có thời Thần Nông, trước đó nữa là thời Phục Hy. Theo truyền thuyết, từ thời Thần Nông đến thời Hoàng Đế là 500 năm, từ thời Phục Hy đến thời Thần Nông lại là 500 năm nữa, tổng cộng là 1.000 năm. Chúng ta nói truyền thống Trung Quốc có 5.000 năm văn hóa là nói từ thời Phục Hy và Thần Nông, trước đó vẫn còn.

Khổng tử đã tổng hợp hoàn chỉnh những truyền thuyết xa xưa, dùng văn tự ghi chép lại để lưu truyền cho hậu thế, cho nên chúng tôi tin trong Luận Ngữ có nhiều câu không phải do Khổng tử nói. Khổng tử nói ngài suốt đời “thuật lại mà không sáng tác”, thuật lại là nói lại lời của người khác, của cổ thánh tiên hiền, không phải của chính mình, chính mình không sáng tạo, không phát minh; “tin tưởng và ưa thích lời người xưa”, đối với các truyền thuyết đó, ngài tin tưởng, ngài ưa thích. Do vậy, ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức tuyệt đối không phải đến thời ngài mới có, chúng ta có lý do để tin rằng những điều này phải có từ 10.000 năm trở lên. Cổ nhân truyền lại những điều tinh giản, nên bạn mới dễ nhớ, mới không bị biến chất. Ngũ luân là “cha con có tình thân, vợ chồng có khác biệt, vua tôi có đạo nghĩa, lớn nhỏ có trật tự, bạn bè có thành tín”, bạn thấy điều này rất dễ truyền, sẽ không bị truyền sai, ngàn vạn năm vẫn mãi truyền xuống như thế. Ngũ thường là đạo nghĩa thường hằng, vĩnh viễn không thể thay đổi, đây là đạo, tức là năm chữ “nhân, nghĩa, lễ, trí, tín”, đều được đòi hỏi truyền thừa trước khi có văn tự. Tứ duy là bốn chữ “lễ, nghĩa, liêm, sĩ”; bát đức là tám chữ “trung, hiếu, nhân, ái, tín, nghĩa, hòa, bình”. Đây là văn hóa truyền thống của Trung Quốc, là nét đặc sắc của Trung Quốc, là tinh thần của văn hóa Trung Quốc được phát triển cho đến ngày nay. Tứ Khố Toàn Thư được biên soạn vào thời Càn Long chính là sách vở các đời tích lũy lại, bạn đi xem, bát luận là trước tác của ai, đều không rời những nguyên tắc này. Do vậy, chúng ta dùng ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức để khái quát toàn bộ văn hóa truyền thống Trung Quốc từ xưa đến nay, không thể nào vượt khỏi những nguyên tắc này.

Đến đời Hán, Phật pháp truyền vào Trung Quốc, tuy không phải là văn hóa bản địa nhưng người Trung Quốc tâm lượng lớn, có thể bao dung, có thể dung hợp Phật pháp và văn hóa bản địa của mình thành một thể, như ông Toynbee đã nói: Phật pháp làm phong phú văn hóa bản địa của Trung Quốc, nâng cảnh giới lên cao hơn. Phật pháp biến thành văn hóa của Trung Quốc, nói đến văn hóa Trung Quốc thì chắc chắn không thể tách rời Phật pháp, chúng ta có hiểu điều này thì mới biết trân quý.

Khoan nói tới Phật pháp, đối với những thứ của chúng ta, tức là nói ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức của Trung Quốc, trong thời đại hiện nay, đi khắp địa cầu, bất luận nơi nào, các quốc gia, dân tộc khác nhau, tín ngưỡng, văn hóa khác biệt đều có thể dung hội nhất quán, không có chướng ngại. Đây là điều mà chúng tôi đã đích thân trải nghiệm trong mười mấy năm gần đây. Chúng ta nói rõ ràng sáng tỏ thì chẳng ai không ưa thích, đều có thể tiếp nhận. Vì thế, tiên sĩ Toynbee nói thế kỷ 21 là thế kỷ của người Trung Quốc. Có rất nhiều người hiểu lầm điều này, tưởng người Trung Quốc xung hùng xung bá, không phải vậy, mà là văn hóa truyền thống của Trung Quốc phổ cập toàn cầu, khiến cho thế giới này thật sự có thể hóa giải xung đột, khôi phục an định hòa bình, mọi người đều cần đến, chúng ta phải có sự nhận biết này. Phải giống như lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, phải biết báo ân, báo ân tổ tiên. Báo ân bằng cách nào? Phải thực hành văn hóa truyền thống, tức là chúng ta phải làm được ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức, phải hết lòng thực hiện, đây là người Trung Quốc, là hậu nhân, truyền nhân của tổ tiên Trung Quốc, đây mới là báo ân thật sự. Bạn thật sự làm được rồi thì hiệu quả sẽ vô cùng rõ rệt, thứ nhất là thân tâm khỏe mạnh. Phật pháp nói “tướng do tâm chuyên”, thân tâm khỏe mạnh, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an định, sau đó là đất nước thịnh trị, thiên hạ thái bình. Thiên hạ thái bình, bình là bình đẳng, chính là đối đãi bình đẳng, chung sống hòa thuận. Vì vậy, xã hội trong thế kỷ 21 hết sức cần đến học thuyết Không Mạnh và Phật pháp Đại thừa, ông Toynbee nhìn không sai.

Đoạn thứ nhất trong phần khái yếu là “giáo khởi nhân duyên”, bây giờ chúng ta học tập đoạn này. *“Giáo khởi nhân duyên là nói rõ nhân duyên khiến cho đại giáo hưng khởi”*. Nói rõ ràng, đại giáo chính là Đại thừa, Tịnh tông thuộc Đại thừa, nhân duyên khiến cho Phật pháp Đại thừa hưng khởi, vì sao nó hưng khởi, chúng ta học Phật thì phải hiểu rõ điều này trước tiên. Trong phần này chia thành hai đoạn, đoạn thứ nhất: *“Trước hết, nêu rõ sự hưng khởi của giáo pháp Đại thừa và pháp môn Tịnh độ”*, vì sao giáo pháp Đại thừa và pháp môn Tịnh độ hưng khởi. Đoạn thứ hai là *“trình bày căn kẽ nhân duyên khiến cho kinh này hưng khởi”*, đây là nói về nhân duyên hưng khởi của bộ kinh này, tức kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ. Chúng ta đọc câu văn kế tiếp: *“Hết thảy các pháp đều không rời nhân duyên”*, “phù” là trợ từ ngữ khí, tuy lão cư sĩ dùng văn tự rất rõ ràng để viết, nhưng vẫn theo quy củ của văn ngôn văn, chữ “phù” này là trợ từ ngữ khí trong văn ngôn văn, không có ý nghĩa, là trợ từ ngữ khí, tức là nói: hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian đều không tách rời nhân duyên. Sự hưng khởi của pháp, *“sự hưng khởi của đại giáo là do vô lượng nhân*

duyên, mà vô lượng nhân duyên cũng chỉ là một đại sự nhân duyên”. Quả thật nhân duyên sanh khởi vũ trụ vạn vật đều là vô lượng, vô tận, vô số, không phải là ngẫu nhiên, đúng là vô lượng nhân duyên.

Đức Phật dạy học, đặc biệt là dạy người mới học, đã quy nạp vô lượng nhân duyên thành bốn loại lớn, như vậy dễ nói. Trong bốn loại lớn, thứ nhất là thân nhân duyên, thứ hai là sở duyên duyên, thứ ba là vô gián duyên, thứ tư là tăng thượng duyên, đức Phật chia vô lượng nhân duyên thành bốn loại lớn. Quý vị phải biết, mỗi loại trong bốn loại lớn này đều là vô lượng nhân duyên. Trong sự dạy học ấy có pháp phương tiện, đây là nói đại lược. Ví như thực vật, nó sanh trưởng như thế nào? Nó có hạt giống, hạt giống là thân nhân duyên, không có hạt giống thì làm sao nó sanh trưởng được? Nhưng chỉ có hạt giống mà không có những duyên khác, đem hạt giống ấy bỏ trong chén trà, để cả trăm năm thì nó cũng không thể mọc thành cây, cho nên nó phải có sở duyên duyên. Có sở duyên duyên thì hạt giống nhất định có hy vọng mọc thành cây, đơm hoa kết quả, nó có một mục tiêu để duyên vào. Cũng như động vật, chúng có sở duyên duyên là nhất định muốn được sanh tồn, còn mong đời sau sanh sôi nảy nở, đây là bản năng, sở duyên duyên, chúng ta gọi là bản năng. Sở duyên duyên này không thể gián đoạn, hễ gián đoạn thì nó sẽ bị hủy diệt. Vì vậy, bạn xem ba loại duyên đầu tiên, ba loại hiện tượng này là một thể, duyên sau cùng là tăng thượng duyên, cũng không thể thiếu nó. Tăng thượng duyên là hạt giống muốn trưởng thành thì cần phải có đất đai, cần đến không khí, cần có nước, cần có phân bón, thậm chí còn phải có sức người giúp nó, nó mới có thể phát triển tốt, toàn bộ những thứ ấy gọi là tăng thượng duyên. Tăng thượng duyên là sức mạnh trợ giúp từ bên ngoài, là ngoại lực, ba loại duyên phía trước đều là thứ chính mình vốn có. Phật pháp là do duyên sanh, cho nên ý nghĩa này rất sâu. Phạm thứ gì do duyên mà sanh ra thì đều không thật, pháp do duyên sanh thì có sanh có diệt, có sanh có diệt thì không thật. Vì thế, đức Phật nói với chúng ta rằng “pháp còn phải xả, huống là chẳng phải pháp”, bạn không được chấp trước Phật pháp. Chúng ta chấp trước thân này là mình thì sai rồi; nếu bạn chấp trước kinh điển là Phật pháp thì cũng sai luôn, nó là pháp do duyên sanh. Thứ chân thật thì không phải do duyên sanh, mà nó vốn có. Tự tánh là vốn sẵn có, tánh đức trong tự tánh là vốn sẵn có, trí tuệ, đức năng, tướng hảo trong tự tánh là vốn có. Ý nghĩa này sâu lắm, nó trở thành thứ mà ngày nay gọi là triết học và khoa học cao cấp. Nói với bạn pháp do duyên sanh, đó là sơ cấp, tiểu học và trung học đều có thể học.

Cho nên, vô lượng nhân duyên cũng chỉ là một đại sự nhân duyên, nghĩa là nếu tổng quy nạp vô lượng nhân duyên lại, chúng ta tìm một nhân duyên quan trọng nhất, đó là gì? Vì sao phải xuất hiện ở đời? Đây chính là một đại sự nhân duyên. Một đại sự nhân duyên là như đức Phật đã nói trong kinh Pháp Hoa: “Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong đời”, “chỉ dùng trí kiến của Phật để chỉ bày, giác ngộ chúng sanh”. Trong kinh Pháp Hoa có một câu nói về đại sự nhân duyên như sau: “Khai thị ngộ nhập trí kiến của Phật”. Vì sao mười phương chư Phật Bồ-tát đến ứng hóa trong thế gian của chúng ta? Chính là vì chuyện này. Bởi vì Phật trí Phật kiến chính là thứ mà hết thảy chúng sanh vốn có, thế nên Phật không độ chúng sanh, Phật cho bạn thứ gì? Phật không cho gì cả, bản thân bạn vốn có. Vốn có nhưng bạn mê rồi, nên không được thọ dụng, bạn đang mê hoặc điên đảo, đang luân hồi trong lục đạo, sống những ngày tháng thâm trầm, khổ khổ như vậy, Phật đến điểm hóa bạn, bạn có Phật trí Phật kiến, bạn vốn là Phật, nhưng bị mê, mê mất tự tánh. Do vậy, đối với chúng sanh, đức Phật chỉ có thể làm được hai chữ “khai thị”. Dùng phương tiện nào để hoàn thành hai chữ này? Thân hành và ngôn giáo. Thân hành là thị, thị nghĩa là làm mẫu cho bạn xem; ngôn giáo là giáo hóa bằng lời nói. Đức Phật xem “thị” là phương pháp quan trọng để giáo hóa chúng sanh, “ngôn” nhằm bổ sung chỗ thiếu sót của “thị”. Vì thế, trước hết làm gương cho bạn xem, sau khi xem xong, bạn sẽ cảm động và hiểu ra, sau khi nhìn thấy sẽ cảm động, nhưng chưa hiểu rõ lắm, bạn hỏi lại, khi bạn hỏi thì ngài sẽ giải thích cho bạn. Đức Phật làm trước! Vì sao đức Phật phải thị hiện làm vị tăng khổ hạnh, ba y một bát, nghỉ dưới cây một đêm, ăn một bữa giữa ngày, để làm gì vậy? Có ý nghĩa gì? Chúng ta học nhiều năm như thế, chúng ta hiểu ý nghĩa này, nhằm dạy người điều gì vậy? Buông xuống! Buông xuống liền trở về tự tánh. Vì sao bạn mê? Do bạn tự tư tự lợi, bạn có tham sân si mạn, ham thích hưởng thụ ngũ dục lục trần, bạn làm những chuyện này cho nên mê.

Trên thực tế, có thể hưởng thụ ngũ dục lục trần hay không? Có thể, vì sao lại không thể? Bạn hưởng thụ nhưng trong đó không khởi phân biệt, không sanh chấp trước thì đúng rồi. Nhưng khi bạn hưởng thụ, bạn khởi phân biệt, sanh chấp trước, khởi thất tình ngũ dục, vậy hỏng ngay, trong đó sẽ sanh ra nhiều tác dụng phụ, đó là tạo nghiệp¹. Sanh ra những thứ ấy, những thứ đó lại chuốc lấy quả báo, do cái nhân không thiện nên nhận quả bất thiện, là ba đường ác của sáu cõi. Quý vị phải biết, ba

¹ Nghiệp là đầu mối tội chương.

đường ác của sáu cõi không có, trong tự tánh không có, vốn là không có, nhưng hiện nay có hay không? Hiện nay vẫn không có, nói với bạn không có thì bạn sẽ không tin. Nói hiện nay có thì bạn tin, nói với bạn hiện nay không có thì bạn không tin. Trong cảm nhận của Phật Bồ-tát, thật sự là không có, không phải giả, “ngay tướng là không, trọn chẳng thể được”, nó làm gì có! Trong kinh Phật thường nói “phàm những gì có tướng đều là hư vọng”. Chúng ta tổng kết kinh Đại Bát-nhã, 600 quyển kinh Đại Bát-nhã giảng về điều gì? Chỉ giảng bốn câu: “Hết thủy pháp, không sở hữu, sau cùng không, không thể được”, chỉ bốn câu này mà Thích-ca Mâu-ni Phật đã giảng 22 năm, nói với chúng ta chân tướng sự thật là như vậy đó. Bạn không hiểu được chân tướng sự thật, chấp trước cho là thật có thì sai rồi. Trong các cảnh giới này, trong cảnh giới hư huyền, bạn khởi lên ý niệm không chế, bạn khởi lên ý niệm chiếm hữu thì sai rồi, bạn đã tạo tội nghiệp. Nếu bạn thọ dụng, nhưng không có ý niệm, không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm động niệm thì sự thọ dụng của bạn chính là sự thọ dụng của chư Phật Như Lai. Nói với bạn, cõi Thật báo trang nghiêm của chư Phật Như Lai chính là sự thọ dụng ấy, người trong cõi Thật báo trang nghiêm có thọ dụng, nhưng không có phân biệt, không có chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, đó gọi là hưởng thụ thật sự, đó gọi là thế giới Cực Lạc. Không khởi tâm, không động niệm, cho nên sự hưởng thụ của họ không có một chút trở ngại nào, không khởi tâm động niệm. Hiện nay trong sự hưởng thụ, chúng ta khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, phiền phức là ở chỗ này. Thế nên nói không có luân hồi mà tạo ra luân hồi, luân hồi là ác mộng. Bạn đi ngủ vốn không có mộng, mỗi ngày gặp ác mộng, ác mộng do chính bạn tạo ra, không phải do người khác tạo cho bạn.

Đại sự nhân duyên ấy chính là khai thị ngộ nhập, đức Phật có thể làm được hai chữ “khai thị”. Thế nhưng chúng sanh tiếp xúc sự khai thị ấy, phải có thể ngộ nhập! Ngộ là hiểu rõ, giống như chúng ta thường nói là nhìn thấu. Nhập là thế nào? Nhập là buông xuống, buông xuống là nhập, bạn không buông xuống được thì không vào được cảnh giới, hễ buông xuống liền vào được. Thời cận đại, đại sư Ấn Quang có một phương pháp hết sức tuyệt diệu, dạy chúng ta làm thế nào ngộ nhập. Khi còn tại thế, ngài bế quan trong quan phòng một khoảng thời gian rất dài, Linh Nham Sơn Tự ở Tô Châu, là đạo tràng tu học cuối cùng của ngài. Tôi từng đến tham quan căn phòng ấy, rất nhỏ, hết sức đơn giản, chỉ có một cái bàn vuông, trên bàn thờ một pho tượng Phật, chẳng có thứ gì, rất đơn giản, một pho tượng Phật, một cặp chân đèn, một lư hương, một cái khánh, một cái mõ nhỏ. Phía sau tượng Phật viết một chữ lớn,

do chính ngài viết, ngài viết một chữ “chết”. Phương pháp này tuyệt lắm! Khiến bạn vừa nhìn thấy, cái chết đã cận kề, thử hỏi bạn còn điều gì không buông xuống được? Vì thế trong thời đại hiện nay, bản thân tôi thường nghĩ, thọ mạng của chúng tôi tới hôm nay là hết, ngày hôm nay sắp chết rồi, còn gì để mơ tưởng nữa? Vậy thì chúng ta sẽ hết lòng, nghĩ đến cái chết, chết rồi, chết đến nơi rồi, còn có thể nghĩ tới việc ăn, mặc, ở, đi nữa không? Còn có thể mong hưởng thụ nữa không? Không có! Hiện tại chỉ còn một ý niệm cầu sanh Tịnh độ. Điều gì cũng đều buông xuống, chỉ nghĩ đến A-di-đà Phật, “con đang ở đây chờ ngài, ngài hãy đến tiếp dẫn con”. Trừ ý niệm này ra, ý niệm gì cũng đều không có. Trong thế gian này có thứ gì là của ta? Ngay cả thân thể cũng không phải, nếu chúng ta dùng tâm thái này để niệm Phật thì đúng như kinh Di-đà đã nói, “hoặc một ngày, hoặc hai ngày, cho đến bảy ngày” thì vãng sanh, là thật, không phải giả. Hôm nay A-di-đà Phật chưa đến, đợi cả ngày mà ngài chưa đến, ngày mai vẫn nghĩ như thế, mỗi ngày đều nghĩ như thế. Có nghĩa là gì? Làm gương cho các đồng học học Phật, khẳng định một ngày nào đó A-di-đà Phật sẽ đến. A-di-đà Phật nói: “Ông làm gương đủ rồi, đã có thể đến thế giới Cực Lạc”.

Không có gì khác, triệt để buông xuống! Buông xuống không phải là bỏ hết mọi việc, không phải vậy, mà việc vẫn làm, việc ngày hôm nay vẫn phải làm, nhưng trong tâm không để lại dấu vết. Tâm như thế nào? Trong tâm là một câu A-di-đà Phật, niệm A-di-đà Phật, nghĩ A-di-đà Phật, là niệm Phật thật sự, không giả vờ. Đây là gì? Chư Phật Như Lai đến thế gian là vì sự việc trọng đại này, vì sự việc gì vậy? Giúp chúng sanh nhanh chóng thành Phật. Bạn vốn là Phật, hiện nay bạn niệm Phật thì chắc chắn sẽ làm Phật, vốn là Phật mà! Chuyện thế gian, chuyện trong mười pháp giới, đừng quan tâm, tùy duyên là tốt, đừng phan duyên, cô đại đức dạy chúng ta: “Tùy duyên tiêu nghiệp cũ, đừng tạo tai ương mới”. Nếu chúng ta không biết, đối với hết thầy người, việc, vật xung quanh vẫn khởi tâm động niệm, vẫn còn phân biệt, chấp trước, vậy là bạn đang tạo tai ương mới, bạn đang tạo nghiệp, sai rồi! Về sự thì tùy duyên, trong tâm phải sạch sẽ, sự vì sao như vậy? Là giả, sự sự vô ngại, chỉ cần không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, chướng ngại gì cũng đều không có. Chướng ngại là khởi tâm động niệm, chướng ngại nghiêm trọng nhất của khởi tâm động niệm, thứ nhất là đối lập. Nhất định không được đối lập với người khác, không được đối lập với việc, không được đối lập với hết thầy vạn vật, trước hết phải tiêu trừ điều này, đời này thành tựu viên mãn đạo nghiệp của chính mình. Nhất định không được có ý niệm không chế, càng không được có ý niệm chiếm hữu, hãy học điều này, hạ thủ từ chỗ này. Làm thế nào để hóa giải ý niệm?

Niệm A-di-đà Phật liên hóa giải. Trong tâm ta chỉ có A-di-đà Phật, chỉ nghĩ A-di-đà Phật, một lòng mong trở về thế giới Cực Lạc sớm một chút, đến thế giới Cực Lạc thì thành Phật rồi.

Hoàn cảnh tu học ở bên đó tốt đẹp, thọ mạng con người dài, vô lượng thọ, lại còn thành tựu nhanh chóng. Vì sao vậy? Hoàn cảnh tu học tốt, bạn chắc chắn không gặp duyên làm chướng ngại, ở bên đó bạn tìm không ra chướng ngại. Đều là duyên giúp bạn thành tựu, bởi vì bạn ở bên đó, những người mà bạn tiếp xúc đều là chư Phật Như Lai, chư đại Bồ-tát. Phải hiểu rằng, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì bạn có thể từng giây từng phút tiếp xúc với hết thầy chư Phật Như Lai trong mười phương, bạn có năng lực phân thân, ngồi nơi đó nghe A-di-đà Phật giảng kinh thuyết pháp, đồng thời phân vô lượng vô biên thân đến mười phương thế giới lễ Phật, cúng dường, nghe Phật thuyết pháp, trong mười phương thế giới không có duyên phân này, nhưng thế giới Cực Lạc có đủ. Thế nên, học rộng nghe nhiều thì đến thế giới Cực Lạc sẽ thật sự học rộng nghe nhiều, chư Phật đích thân giáo huấn, bạn có năng lực phân thân. Bạn nói xem, nhân duyên thù thắng như vậy, hoàn cảnh học tập thù thắng như vậy, sao có thể không đi cho được? Cần gì tham luyến nơi đây? Thích-ca Mâu-ni Phật sợ chúng ta ở nơi đây sẽ động ý niệm tham luyến, cho nên suốt đời không lập đạo tràng, khởi tham luyến. Dưới mỗi cây chỉ cho phép ngủ một đêm, vì sao vậy? Bóng cây rất lớn, bạn sẽ khởi tâm tham; nên chỉ được ngủ một đêm, ngày hôm sau sang chỗ khác, nhằm đoạn tâm tham của bạn, đây quả là phương tiện khéo léo, giúp chúng ta không sanh phiền não, giúp chúng ta không tạo tội nghiệp. Cũng có người nói đại sự nhân duyên này chính là việc lớn sanh tử, có ý nghĩa ấy, nhưng mà chưa đủ thấu triệt, hiểu thấu triệt thì vẫn phải nói theo kinh, trong kinh điển nói với chúng ta là “khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật”, là vì sự việc này.

Trong toàn bộ giáo học của Phật pháp, sự việc này gồm ba giai đoạn phải hoàn thành. Học Phật là học điều gì? Trong kinh điển, chúng ta thường đọc đến câu “A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề”, câu này là dịch âm từ tiếng Phạn, có thể phiên dịch, có thể dịch nhưng vì sao lại không dịch? Do tôn trọng nên không dịch, vì nó là mục tiêu sau cùng trong việc tu học của bạn, bởi vậy giữ nguyên âm tiếng Phạn, là tôn trọng. Dịch sang nghĩa Trung Quốc là *Vô thượng chánh đẳng chánh giác*, đây là tri kiến viên mãn của Phật mà chúng ta phải tu học. Trong ba giai đoạn này, trước hết là cầu Chánh giác, giác ngộ, giác ngộ chính xác, không lệch không tà, đều là sẵn có trong tự tánh. Làm thế nào để có thể thành Chánh giác? Chỉ cần bạn không chấp

trước hết thấy pháp thể gian và xuất thể gian, buông xuống chấp trước thì bạn thành Chánh giác. Thành chánh giác có một danh xưng học vị là A-la-hán, bạn chứng đắc A-la-hán. Cho nên quý vị phải hiểu, chứng đắc A-la-hán chính là thành Chánh giác, trong “khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật” thì bạn đạt được giai đoạn thứ nhất. Giai đoạn thứ hai là phải tiếp tục buông xuống, buông xuống phân biệt, phân biệt nhẹ hơn chấp trước, chấp trước rất nghiêm trọng. Do chấp trước mới có lục đạo luân hồi, buông xuống chấp trước thì lục đạo không còn nữa, gọi là vượt thoát lục đạo luân hồi, không còn nữa, không có lục đạo, là giả, giống như nằm mộng, tỉnh giấc thì cảnh mộng không tồn tại nữa. Nếu bạn lại buông xuống phân biệt, đối với hết thấy pháp thể gian và xuất thể gian không phân biệt thì cảnh giới của bạn sẽ được nâng cao, bạn bèn chứng đắc Chánh đẳng chánh giác. Chánh đẳng chánh giác được gọi là Bồ-tát, là danh xưng của học vị thứ hai trong Phật pháp, bạn thành Bồ-tát. Ai không phải là Bồ-tát? Buông xuống là được! Học vị tối cao thì thêm chữ vô thượng vào phía trước, tức là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, danh xưng của học vị này là Phật-đà. Do vậy trong kinh giáo Đại thừa, đức Phật thường nói “hết thấy chúng sanh vốn là Phật”, bạn nói có đúng hay không? Đúng! Chỉ cần bạn buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì bạn chính là Phật; không buông xuống thì vẫn là Phật, không thể nói bạn không phải là Phật, nhưng là một vị Phật mang theo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, là sự thật, không phải giả. Do vậy, đức Phật không dám khinh mạn một người nào, tại vì sao? Ngài biết hết thấy đều là Phật, Phật Phật bình đẳng, Phật Phật đều chung tánh đức. Phật thấy hết thấy chúng sanh là Phật, nhưng chúng sanh thấy Phật cũng là chúng sanh, vì sao vậy? Họ có phân biệt, dùng tâm phân biệt để nhìn Phật, dùng tâm chấp trước để nhìn Phật, cho nên khác nhau, thấy sai rồi! Cho nên nếu bạn muốn hỏi: “Ngày nào tôi sẽ thành Phật?” Rất đơn giản, ngày nào bạn thấy hết thấy chúng sanh đều là Phật thì chúc mừng bạn, bạn đã thành Phật rồi. Không chỉ chúng sanh hữu tình đều là Phật, mà cây cối hoa cỏ, núi sông đất đai thấy đều là như vậy, không một pháp nào không phải, bạn thành Phật rồi. Bạn vẫn thấy ưa thích cái này, thấy chán ghét cái kia, vậy bạn là phạm phu trong lục đạo. Vì chuyện này mà đức Phật xuất hiện ở cõi đời, giúp những vị Phật mê hoặc điên đảo chúng ta khôi phục lại bình thường. Đây chính là nhân duyên hưng khởi của chư Phật Bồ-tát.

Phẩm Tánh Khởi trong kinh Hoa Nghiêm có một đoạn như sau: “Nhu Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác”, đây là mười hiệu của đức Phật. Mười loại danh hiệu, tất cả chư Phật đều bình đẳng, mười loại đức hiệu ấy là tánh đức, cho nên trong tự tánh của bạn thấy đều có. “Chánh pháp khởi từ tự tánh, không thể nghĩ bàn”, chánh

pháp chính là Đại thừa, Đại thừa do đâu mà có? Trong tự tánh vốn có, là thật, không phải giả. Cho nên khởi từ tự tánh, không phải là duyên khởi, duyên khởi thì không thật, khởi từ tự tánh là thật, phải biết điều này. Luân lý đạo đức mà tổ tiên Trung Quốc nói với chúng ta là khởi từ tự tánh, không phải là duyên khởi. Dùng một từ để làm đại biểu cho văn hóa truyền thống Trung Quốc, chính là hiếu đạo, văn hóa hiếu, từ “hiếu” mở rộng thành bốn khoa, chính là bốn điều: ngũ luân, ngũ thường, tứ đức, bát đức. Chúng khởi từ tự tánh, không do ai phát minh, không do cá nhân nào đặt định, không phải. Giống như đại tự nhiên, bốn mùa xuân, hạ, thu, đông rõ rệt, không phải do con người quy định, mà là tự nhiên, danh từ trong Phật pháp gọi là “pháp vốn như vậy”, nó vốn là như vậy, cho nên là tánh đức. Tổ tiên Trung Quốc cũng rất tuyệt vời, nói với chúng ta chân tướng sự thật: tánh người vốn thiện. Tam Tự Kinh có câu: “Người ban đầu, tánh vốn thiện”, thiện ấy không phải là thiện trong thiện ác, thiện trong thiện ác là tương đối, là do duyên khởi, thiện ở đây là khởi từ tự tánh, khởi từ tự tánh thì không có tương đối; nói cách khác, không dính vào hai bên thiện và ác thì gọi là chân thiện. Có thiện có ác thì bất thiện. Cảnh giới này cao, tánh người vốn thiện. Nếu dùng Phật pháp để nói thì dễ hiểu hơn. Đại sư Huệ Năng đã kiến tánh, tánh như thế nào? Bạn hãy xem ngài miêu tả: “Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, thanh tịnh là tánh đức, thanh tịnh là khởi từ tự tánh, tánh vốn là như vậy, trước giờ chưa từng ô nhiễm. Hiện nay bốn tánh thanh tịnh của chúng ta có bị ô nhiễm hay không? Không có. Ở địa vị thánh nhân và Phật, không thêm một chút nào, ở địa vị phàm phu không giảm, nó cũng chẳng giảm một chút nào, đúng là không tăng không giảm, không như không sạch. Nó không phải là nhị biên, mà cũng không phải là trung đạo, trung đạo và nhị biên lại là đối lập, cho nên “hai bên không lập, trung đạo chẳng còn”, không thể nghĩ bàn! Bạn không thể nghĩ, hãy nghĩ liền sai, bạn không thể nói, hãy nói cũng sai, không thể nói được. Thế nên, các vị đại đức trong tông môn có thí dụ: “như người uống nước, ấm lạnh tự biết”, chính bạn biết rất rõ ràng sáng tỏ, nhưng không thể nói ra được. Chỉ có người đạt đến cảnh giới ấy, đôi bên mỉm cười hiểu ý, đều hiểu rõ rồi; người chưa đạt đến cảnh giới ấy thì không được. Cho nên, khởi từ tự tánh và duyên khởi là khác nhau, chánh pháp khởi từ tự tánh, pháp Đại thừa là khởi từ tự tánh, pháp Tiểu thừa là duyên khởi. Trong Đại thừa có duyên khởi hay không? Có, nếu phân chia Đại thừa theo cấp bậc, thì thượng thượng thừa là khởi từ tự tánh, còn thông thường nói Đại thừa, Trung thừa, Tiểu thừa đều là duyên khởi. Thiên tông rất rõ rệt, đại sư Huệ Năng tiếp dẫn bậc thượng thượng căn, đó là khởi từ tự tánh; pháp Đại thừa mà đại sư Thần Tú dùng để tiếp dẫn, đó là duyên khởi, vì ngài

còn thấy “thân là cây Bồ-đề, tâm như đài gương sáng”, đây là duyên khởi. Chúng ta phải tỉ mỉ mà thể hội.

“*Vì sao vậy? Không phải vì chút nhân duyên mà Phật thành Đẳng chánh giác, xuất hiện trong đời*”. Đó là gì? Đó là duyên khởi, chư Phật Như Lai ứng hóa ở thế gian là duyên khởi, không phải là khởi từ tự tánh. Duyên khởi này là gì? Cảm ứng. Do nhân gì vậy? Chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Việc này chúng tôi dùng thí nghiệm nước của tiến sĩ Emoto Masaru thì bạn sẽ hiểu rõ, thí nghiệm nước của ông có rất nhiều ảnh chụp, chúng tôi có treo ở hành lang nơi đây, các bạn có thể đến xem. Chúng ta khởi tâm động niệm là cảm, là duyên. Nước là khoáng vật, là vật chất, vật chất thì sao? Nó có thấy nghe hay biết, thấy nghe hay biết vĩnh viễn không diệt mất. Câu nói thứ hai khi đại sư Huệ Năng kiến tánh là “nào ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”, cái vốn không sanh diệt chính là thấy nghe hay biết, cho nên thấy nghe hay biết là tự tánh. Nhưng sau khi mê thì sao? Sau khi mê sẽ không gọi là thấy nghe hay biết, mà gọi là gì? Gọi là thọ tướng hành thức, biến thành a-lại-da thức. A-lại-da thức là thọ tướng hành thức, bạn thấy năm thức đầu là thọ; thức thứ sáu là tướng; thức thứ bảy là hành, hành là niệm niệm chẳng dừng; thức thứ tám là thức, biến thành thọ tướng hành thức, chúng ta gọi là tinh thần, tâm lý, tâm pháp. Do vậy, tâm pháp và vật chất vĩnh viễn không tách rời, hễ là vật chất thì trong đó nhất định có thấy nghe hay biết. Trong lục đạo chắc chắn có thọ tướng hành thức. Do vậy, khi chúng ta khởi lên ý niệm “tôi thích bạn”, bạn xem nước liền nhận được, nó cũng thích chúng ta, nó liền hiện ra cấu trúc hết sức xinh đẹp, chúng ta thích nó, nó thích chúng ta; “tôi ghét bạn”, nó liền hiện tướng rất thô xấu, có nghĩa là “tôi cũng ghét bạn”. Khoáng vật hiểu tình cảm của con người! Tôi bảo tiến sĩ Emoto: Nước có thọ tướng hành thức, tất cả vật chất đều có thọ tướng hành thức, ông hãy cố gắng thí nghiệm. Tướng mà nó hiện ra không chỉ là sắc, đức Phật nói với chúng ta nó có bốn loại tướng là sắc, thanh, hương, vị, nó có bốn loại tướng này. Hiện nay ông làm thí nghiệm, mới nhìn thấy một trong bốn loại, nhìn thấy sắc. Ông còn chưa nghe được âm thanh của nó, chưa ngửi được mùi của nó, vẫn chưa nếm được vị của nó; nó có sắc, thanh, hương, vị. Cho nên, khoa học vẫn còn cách Phật pháp một cự ly, khi nào phương pháp khoa học có thể kiểm nghiệm ra sắc, thanh, hương, vị thì mới viên mãn. Đức Phật nói với chúng ta thật tướng các pháp, không phải là giả, mà là chân tướng, thật tướng là chân tướng, là chân tướng của hết thầy pháp. Hiện tượng vật chất nhỏ, hiện nay chúng ta gọi là hạt cơ bản, hạt quark, không thể thấy bằng mắt thường, bạn đừng xem thường vật chất nhỏ bé này, hết thầy mọi hiện tượng vật chất đều do vật chất nhỏ bé này tổ

hợp thành. Mỗi vật chất nhỏ nhất, những vật chất cơ bản này, thấy đều có thọ tướng hành thức. Giác ngộ rồi thì thọ tướng hành thức trở thành thấy nghe hay biết; khi mê thì thấy nghe hay biết biến thành thọ tướng hành thức. Nó không sanh không diệt, đây là chân tướng sự thật.

Cho nên, đức Phật xuất hiện trên thế gian là cảm ứng. Chúng sanh không có cảm thì Phật sẽ không xuất hiện; chúng sanh có cảm, Phật bèn xuất hiện. Chúng ta muốn thấy A-di-đà Phật, A-di-đà Phật thật sự được bạn nhìn thấy, là do bạn có cảm. Tôi không có cảm, vì sao cũng thấy A-di-đà Phật? Thật ra là có cảm, nhưng chính bạn không biết. Cảm thì có hiển cảm và ngảm cảm, hiển là khởi tâm động niệm, rất rõ ràng, tôi muốn cầu Phật; ngảm là gì? Tôi khởi tâm động niệm nhưng bản thân cũng không biết, hoặc là duyên quá khứ không hay không biết đã chín muồi, cho nên cảm Phật hiện tiền, Bồ-tát hiện tiền. Ứng cũng có hai thứ là hiển ứng và ngảm ứng. Chúng ta cầu Phật thì Phật Bồ-tát có đến hay không? Đến, mắt thịt chúng ta nhìn không thấy, đó là ngảm ứng. Không phải các ngài không đến, các ngài thật sự ở bên cạnh bạn, nhưng bạn không thấy các ngài, các ngài nhìn thấy bạn, bạn không thấy các ngài, là ngảm ứng, âm thầm chăm sóc, giúp đỡ bạn, là thật, không phải không có. Có hiển cảm, hiển ứng, ngảm cảm, ngảm ứng, cho nên có bốn loại cảm ứng. Đây là nói rõ điều gì? Phật pháp là pháp do duyên sanh, không được chấp trước pháp do duyên sanh, vậy có cần pháp hay không? Hiện tại tôi đang mê, vẫn chưa khai ngộ, chưa kiến tánh, tôi cần pháp, pháp giúp đỡ tôi. Sau khi kiến tánh thì không cần nữa, buông toàn bộ xuống. Sau khi kiến tánh, nếu bạn vẫn chấp trước Phật pháp thì bạn lại mê rồi, bạn sai rồi. Chúng ta thấy ai kiến tánh rồi mà vẫn mang theo một đống kinh sách đâu, không có. Người chưa kiến tánh đi tới đâu cũng mang theo kinh sách, người kiến tánh không có. Vì sao vậy? Hết thấy mọi kinh luận đều lưu xuất từ tự tánh, họ cần phải mang theo để làm gì? Đại sư Huệ Năng không biết chữ, cả đời không mang theo một quyển sách, ngài đi đến đâu cũng chỉ mang y bát, không có một quyển kinh sách nào. Bạn đem kinh sách đến hỏi ngài, ngài đối đáp như nước chảy, không có điều gì làm khó được ngài, đó là gì? Xứng tánh. Chúng ta học Phật, mục tiêu cuối cùng chính là phải kiến tánh, muốn kiến tánh thì phải buông xuống. Buông xuống phiền não chướng, buông xuống sở tri chướng, vậy thì không có chướng ngại nữa.

Câu tiếp theo là “*dùng mười loại*”, mười không phải là con số, mà là thí dụ, thí dụ cho điều gì? Vô lượng, viên mãn. Hoa Nghiêm dùng mười để biểu pháp, kinh

Di-đà dùng bảy đê biểu pháp, đều không phải là con số, mà biểu thị cho sự viên mãn. Bảy đại biểu cho viên mãn: bốn phương, trên và dưới là sáu, còn có chính giữa, thành bảy, bảy là biểu pháp viên mãn. Mười đại biểu cho con số, từ một đến mười là con số viên mãn, nó dùng đê biểu pháp, cho nên biểu thị cho sự viên mãn. Cũng chính là câu tiếp theo nói “*vô lượng vô số*”, mang ý nghĩa là vô biên, vô tận. “*Trăm ngàn a-tăng-kỳ*”, a-tăng-kỳ là đơn vị số lượng lớn của Ấn Độ xưa, là một đơn vị trong mười con số lớn, “*nhân duyên mà thành Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời*”, chúng ta có thể tin lời này hay không? Có thể tin, chắc chắn không phải là một mình chúng ta, chúng ta ở đó nghĩ Phật, Phật liền xuất hiện ở đời, không phải như vậy. Bao nhiêu chúng sanh có duyên với Phật, do cộng nghiệp chiêu cảm nên Phật liền xuất hiện ở thế gian, không đơn giản! Nếu chúng ta suy nghĩ lại, thân nghiệp báo hiện nay của chúng ta, mang nghiệp đến thế gian này, tìm được cha mẹ, chúng ta liền đến nhân gian, có bao nhiêu nhân duyên? Nói với quý vị, cũng giống điều này, cũng là do “*mười loại vô lượng, vô số, trăm ngàn a-tăng-kỳ nhân duyên*” mà chúng ta đến thế gian này. Trong các duyên ấy có nhiễm, có tịnh, có thiện, có ác. Phật Bồ-tát xuất hiện, duyên ấy là thanh tịnh, là thiện; chúng ta đến thế gian này, xả thân, thọ thân, luân hồi trong lục đạo, duyên ấy là nhiễm duyên, duyên ấy là duyên bất thiện. Thế nên, bất luận một pháp nào cũng đều do vô lượng nhân duyên mà thành tựu, phạm là thứ do nhân duyên mà thành tựu, phải biết nó không có tự tánh, không có tự thể. Trong luận Trung Quán nói: “Pháp do nhân duyên sanh, ta nói nó là không”, đây là Phật nói. Vì thế, “ngay thể là không, trọn không thể được”, bạn có thể thương thức nó, chứ không thể không chế, không thể chiếm hữu, vậy là đúng rồi, bạn hoàn toàn làm đúng. Nếu bạn muốn không chế, muốn chiếm hữu thì đã sai, bạn đã tạo nghiệp. Bất luận bạn làm thế nào cũng không thể không chế, bạn cũng không chiếm hữu được, đây là nói thật với bạn. Khi bạn có ý niệm này thì tâm bạn đã bị ô nhiễm, không thanh tịnh, mất đi tâm thanh tịnh, mất đi tâm bình đẳng, mất đi tâm giác ngộ trên tựa đề kinh Vô Lượng Thọ. “Thanh tịnh, bình đẳng, giác” là tánh đức của bạn, là thứ mà bạn sẵn có, bạn vốn là như vậy. Một niệm sai lầm thì ba thứ ấy đều bị mất, không còn thanh tịnh nữa, mà biến thành nhiễm ô; không còn bình đẳng nữa, mà biến thành kiêu căng, ngạo mạn; không còn giác nữa, mà biến thành ngu si, hồ đồ, biến chất rồi. Cho nên, người thật sự tu hành phải biết mọi lúc mọi nơi đều gìn giữ “thanh tịnh, bình đẳng, giác” của chính mình, đây là thật tu hành. Thật tu hành thì bạn phải nghĩ Thích-ca Mâu-ni Phật đã làm gương cho chúng ta, ngài thật sự buông xuống. Mọi lúc mọi nơi tâm của ngài thanh tịnh, thứ gì cũng chẳng có, nhưng điều gì ngài cũng

biết, thứ gì ngài cũng đầy đủ, ngài không có mảy may khiếm khuyết nào, vì sao vậy? Tánh đức là viên mãn, điều này không thể nghĩ bàn, là thật, không phải giả.

Tiếp theo nói: “Cho đến rộng nói vô lượng nhân duyên như vậy, chỉ là một đại sự nhân duyên. Đại sự nhân duyên nào vậy? Chỉ muốn khai thị cho chúng sanh về tri kiến của Phật”. “Chỉ” là duy nhất, chính là mong muốn khai thị cho chúng sanh về tri kiến của Phật, Phật tri Phật kiến là trí tuệ bát-nhã vốn sẵn có trong tự tánh. Tiếp theo nói: “*Kinh Hoa Nghiêm là lời giảng đầu tiên của Thế Tôn*”, Thích-ca Mâu-ni Phật thị hiện trên thế gian này của chúng ta, khi thành Phật, ngài giảng bộ thứ nhất là kinh Hoa Nghiêm, đây là kinh giảng đầu tiên. Tiểu thừa không thừa nhận, vì sao vậy? Đức Phật giảng trong định, người thông thường chúng ta thấy Thích-ca Mâu-ni Phật tĩnh tọa dưới cây bồ-đề, ngài tĩnh tọa dưới cây Bồ-đề 14 ngày, hai tuần mới xuất định, làm sao chúng ta biết được? Ở trong định, ngài giảng kinh Hoa Nghiêm cho Pháp thân Bồ-tát, đó chính là gì? Ngài đã khai ngộ, minh tâm kiến tánh, “tánh” có dáng vẻ như thế nào? Ngài đã báo cáo chi tiết tường tận với mọi người, báo cáo này chính là kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Đại sư Huệ Năng khi khai ngộ đã báo cáo với hòa thượng Ngũ tổ Hoằng Nhẫn hai mươi chữ. Đại sư Huệ Năng khai ngộ không khác gì Thích-ca Mâu-ni Phật khai ngộ, hoàn toàn bình đẳng. Sau đó chúng ta mới biết, hai mươi chữ của ngài Huệ Năng triển khai ra thì thành kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm cô đọng lại thì thành hai mươi chữ ấy, tuyệt diệu! Một đẳng là nói chi tiết, một đẳng chỉ nêu cương lĩnh. Cho nên, đại sư Huệ Năng có thể giảng kinh Hoa Nghiêm được không? Không ai khái thỉnh, không ai tìm ngài, nếu thật sự muốn khái thỉnh, xin ngài giảng kinh Hoa Nghiêm, ngài sẽ giảng giống hệt Thích-ca Mâu-ni Phật, đây đều là thật, không phải giả. Trong đây cũng chính là dạy chúng ta phải học Phật như thế nào, đừng vùi đầu vào kinh giáo, vùi đầu vào kinh giáo thì khổ không thể nói nổi, vì sao vậy? Không khai trí tuệ. Học được điều gì? Học bề ngoài, học văn tự ngoài da, danh từ hiện nay gọi là Phật học, không phải là học Phật. Học Phật thì phải khai ngộ giống như Phật, tuyệt chẳng phải chỉ ghi nhớ những lời của Phật trong tâm, ghi nhớ những lời của Phật trong tâm sẽ biến thành điều gì? Biến thành sở tri chướng, vẫn chướng ngại bạn minh tâm kiến tánh. Nhưng mà thế nào? Nói chung sẽ không chướng ngại bạn vãng sanh, nhưng chướng ngại bạn kiến tánh, bạn không thể kiến tánh, sẽ chướng ngại bạn chứng quả, việc này chắc chắn tạo thành chướng ngại. Thế nhưng nếu bạn hết lòng niệm Phật cầu vãng sanh thì vẫn phải bỏ những thứ ấy đi, bạn phải dùng tâm thanh tịnh để sanh về cõi Vô Lượng Thọ, sanh về nước Cực Lạc.

Tâm không thanh tịnh thì không đến thế giới Cực Lạc được, phải hiểu điều này. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm được nói đầu tiên.

“*Kinh Pháp Hoa là lời dạy sau cùng*”, nêu bộ kinh đầu tiên và nêu bộ kinh cuối cùng. “*Từ đầu đến cuối, chỉ vì đại sự nhân duyên này: Muốn khai thị cho chúng sanh ngộ nhập tri kiến của Phật*”. Có nghĩa là gì? Tiếp theo nói: “*Cũng là muốn cho hết thảy chúng sanh thấu rõ bản tâm, có cùng tri kiến với Phật, cùng thành chánh giác*”, đây là lời giải thích. Tri kiến của Phật là gì? Tri kiến của Phật là bản tâm của bạn. Bản tâm của bạn giống như đại sư Huệ Năng đã nói: “*nào ngờ tự tánh*”, đó chính là bản tâm. “*Vốn tự thanh tịnh, vốn tự đầy đủ*”, đầy đủ cái gì? Thứ gì cũng không thiếu, là viên mãn. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật nói: “*Hết thảy chúng sanh đều có trí tuệ, đức tướng của Như Lai*”, dùng câu này có thể giải thích câu “*nào ngờ tự tánh, vốn tự đầy đủ*” của đại sư Huệ Năng, đầy đủ điều gì? Đầy đủ trí tuệ và đức tướng của Như Lai. Trí tuệ và đức tướng là gì? Dùng kinh này của chúng ta để nói thì chính là “*đại thừa, vô lượng thọ, trang nghiêm*”, Đại thừa là trí tuệ, vô lượng thọ là đức, trang nghiêm là tướng. Bạn xem, thấy đều đầy đủ, vốn tự đầy đủ, không khiếm khuyết. Vì thế, Phật pháp không có gì khác, buông xuống là được.

Năm xưa khi tôi học Phật, lần đầu tiên gặp người xuất gia là đại sư Chương Gia, do một người bạn giới thiệu. Thời Mãn Thanh, người bạn ấy là thân vương, thân vương Mãn, nhà Thanh mất nước, ông trở thành thường dân, chúng tôi mới có duyên quen biết. Ông là đệ tử của Lạt-ma Chương Gia, tôi vừa mới tiếp xúc với Phật pháp, ở đó xem kinh, ông nhìn thấy rồi bảo: “*Anh xem kinh có hiểu không?*” Tôi nói: “*Không hiểu, không tham cứu thấu triệt ý nghĩa được*”. Ông ấy hỏi: “*Có muốn tìm một vị thầy để chỉ điểm hay không?*” Tôi hỏi: “*Ai vậy?*” Ông đáp: “*Đại sư Chương Gia*”. Tôi nói được! Tôi cũng không biết đại sư Chương Gia là ai, bởi vì ông ấy có ý tốt, tôi nói vâng, có người chỉ điểm thì tốt quá. Ông bèn dẫn tôi đến gặp ngài. Tôi gặp mặt đại sư, câu đầu tiên là hướng về ngài thỉnh giáo, tôi nói: “*Thầy Phương đã giới thiệu kinh Phật cho con, con biết cái hay của Phật pháp, liệu có phương pháp nào để con khế nhập nhanh chóng hay không?*” Tôi nêu ra câu hỏi như vậy. Ngài nhìn tôi, tôi cũng nhìn ngài, chúng tôi nhìn nhau hơn nửa tiếng đồng hồ, rồi ngài nói một chữ “*có*”. Tôi đợi hơn nửa tiếng đồng hồ mới được một chữ “*có*”, tinh thần liền phấn chấn. Ngài lại không nói gì nữa, lần này lại đợi khoảng sáu, bảy phút, ngài bảo tôi sáu chữ: “*Nhìn thấu được, buông xuống được*”. Phương pháp này của ngài khiến tôi cảm thấy rất kinh ngạc! Đơn giản như vậy, vì sao khi tôi hỏi ngài, lẽ ra ngài sẽ trả

lời ngay, nhưng vì sao phải đợi nửa tiếng mới trả lời tôi? Đại khái mười mấy, hai mươi năm sau, tôi mới bỗng nhiên hiểu ra, lúc ấy tôi còn trẻ, nhất định là hời hợt bộp chộp, cho nên thầy nhìn tôi, để tôi buông xuống toàn bộ vọng niệm, tập trung tinh thần, dùng tâm thanh tịnh để nghe lời ngài dạy. Nhưng khi ngài nói “có” thì tinh thần của tôi phấn chấn, chẳng phải lại bộp chộp rồi sao? Vì thế lại phải kiềm xuống một lát. Để tôi nghĩ đến ý vị giáo học của cổ nhân, ngày hôm đó tôi mới ném được một chút rìa, lời nói hết sức đơn giản. Ngài nói không sai, từ khi tôi bắt đầu học kinh giáo cho đến nay, đã 59 năm rồi, giảng kinh cũng đã giảng được 52 năm, đã hiểu rõ. Cho nên, người hiện nay học không tốt, đó là lẽ đương nhiên, vì sao vậy? Hời hợt, bộp chộp, kém xa tôi thì sao có thể học được gì? Khi ấy, tôi cảm thấy mình đã khá lắm, nhưng trước mặt đại sư Chương Gia thì vẫn chưa được, chưa đủ tư cách, vẫn phải ngồi với ngài nửa tiếng, ngài mới mở kim khẩu. Hiện nay tìm đâu ra học sinh như vậy? Nếu học sinh nêu câu hỏi cho tôi, mà nửa giờ tôi không trả lời, thì họ liền quay người bỏ đi, chẳng buồn nghe. Tôi vẫn không đến nỗi, còn có thể thật sự chờ được. Vì thế cổ nhân dạy học, truyền đạo không giống người hiện nay, họ thật sự có phương pháp.

Do vậy, lời này nói thẳng ra là mong muốn hết thảy chúng sanh sẽ sáng tỏ bản tâm, sáng tỏ bản tâm là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh; có cùng tri kiến với Phật, chúng đặc hoàn toàn giống với mười phương chư Phật Như Lai. Đó gọi là “thành Đẳng chánh giác”, đẳng là bình đẳng, thành Chánh giác, Chánh giác ở đây là Vô thượng chánh đẳng chánh giác. “*Nhân duyên hưng khởi kinh này cũng giống như vậy*”, không khác gì kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp Hoa, trực tiếp giúp chúng sanh sáng tỏ bản tâm, có cùng tri kiến với Phật, chúng đặc Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Việc này làm kinh Vô Lượng Thọ trở nên bình đẳng với kinh Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, không chỉ là bình đẳng, mà còn vượt hơn, phần sau tôi sẽ giảng cho các bạn. Hoa Nghiêm và Pháp Hoa dẫn đường cho chúng ta tiến vào Vô Lượng Thọ, điều này có chứng cứ, kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, rõ ràng là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ-tát dẫn về Cực Lạc. Cho nên, Vô Lượng Thọ là chỗ quy túc của Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, là tổng kết của Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, bạn liền biết pháp môn này không thể nghĩ bàn, điều này mới khiến chúng ta thật sự nhận thức được tầm cỡ của bộ kinh này trong toàn bộ Phật pháp, không kinh nào có thể sánh bằng. Thật sự hiểu rõ ràng sáng tỏ thì mới biết, có được kinh này không dễ dàng! Có được là may mắn lắm.

Tiếp theo nêu kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ làm ví dụ, bộ kinh này do đại sư Huyền Trang phiên dịch, chính là kinh A-di-đà. Bản mà chúng ta tụng phổ biến hiện nay là do đại sư Cưu-ma-la-thập phiên dịch vào thời Diêu Tần. Đại sư Huyền Trang là thời Đường, đây là bản dịch đời Đường, trong kinh A-di-đà do đại sư Huyền Trang phiên dịch có một câu như thế này: “Ta thấy đại sư nhân duyên lợi ích an lạc như thế, bèn nói ra đạo lý chân thật”. Trong bản dịch của đại sư La-thập không có câu này, trong bản của đại sư Huyền Trang thì có. Đại sư Huyền Trang là trực dịch, tức là dịch thẳng từ kinh văn tiếng Phạn, đại sư La-thập dịch ý, không dựa theo kinh văn gốc, ngài phiên dịch ý nghĩa của kinh văn gốc, là hoàn toàn dùng cách hành văn quen thuộc của người Trung Quốc, nên chúng ta đọc thấy giống như đọc cổ văn Trung Quốc, rất dễ dàng tiếp nhận. *“Có thể thấy sự hưng khởi của pháp môn Tịnh độ giống hệt như Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, cùng vì một đại sư nhân duyên. Vì sao vậy?”* Lại thêm một câu hỏi vì sao. Đã hết giờ rồi à? Tôi quên khuấy mất, đã hết thời gian rồi. Hôm nay chúng ta học tập tới đây, ngày mai chúng ta sẽ học tiếp.